

Số: 28/2024/QĐST-DS

TP. Vinh Long, ngày 23 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 411/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ: Số A, đường T, quận H, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, sinh năm 1974; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số B, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Văn bản ủy quyền số 2343/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 03/3/2022).

- Bị đơn: Ông Lương Thanh P, sinh năm 1974; địa chỉ: Số E, đường M, Khóm C, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Bà Trần Mỹ T1, sinh năm 1995.

2) Ông Lương Gia H, sinh ngày 10/7/2000.

3) Ông Lương Thanh T2, sinh ngày 20/7/2022.

Người đại diện theo pháp luật của Lương Thanh T2:

3.1) Ông Lương Thanh P, sinh năm 1974.

3.2) Bà Trần Mỹ T1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số E, đường M, Khóm C, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Phan Thành T** là người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**, ông **Lương Thanh P**, bà **Trần Mỹ T1** và ông **Lương Gia H** thống nhất như sau:

- Ông **Lương Thanh P** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền gốc lãi còn nợ tính đến ngày 15/4/2024 theo Hợp đồng cho vay số 85.64/2021-HĐCV/NHCT800 ngày 01/10/2021 là 214.051.643 đồng (Hai trăm mười bốn triệu không trăm năm mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng) (Trong đó: Gốc: 195.000.000 đồng; lãi trong hạn: 18.175.068 đồng; lãi quá hạn: 876.575 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

- Ông **Lương Thanh P** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền gốc lãi còn nợ tính đến ngày 15/4/2024 theo Hợp đồng cho vay số 18.64/2023-HĐCVHM/NHCT800 ngày 18/01/2023 là 764.228.077 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi tám ngàn không trăm bảy mươi bảy đồng) (Trong đó: Gốc: 691.912.104 đồng; lãi trong hạn: 52.438.518 đồng; lãi quá hạn: 19.877.455 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

- Ông **Lương Thanh P** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền gốc lãi còn nợ tính đến ngày 15/4/2024 theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐCRD 1456705 ngày 30/9/2021 là 51.306.840 đồng (Năm mươi một triệu ba trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi đồng) (Trong đó: Gốc 47.324.370 đồng; lãi: 3.034.613 đồng; phí dịch vụ thẻ: 947.857 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

Tổng cộng ông **Lương Thanh P** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền gốc lãi còn nợ tính đến ngày 15/4/2024 theo các Hợp đồng cho vay số 85.64/2021-HĐCV/NHCT800 ngày 01/10/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức số 18.64/2023-HĐCVHM/NHCT800 ngày 18/01/2023; giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng (CRD1456705) ngày 06/10/2021 là 1.028.638.703 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm lẻ ba đồng) (Trong đó: Nợ gốc: 934.236.474 đồng; lãi trong hạn: 71.561.443 đồng; lãi quá hạn: 20.754.030 đồng) và phải trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc lãi còn nợ.

Trường hợp ông **Lương Thanh P** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, xử lý tài sản bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 20.102.736/2020/HĐBĐ/NHCT800 ngày 15/12/2020; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01-20.102.736/2020/HĐBĐ/NHCT800 ngày 01/10/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông **Lương Thanh P** tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông **P** phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Về án phí: Ông **Phan Thành T** là người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**, ông **Lương Thanh P**, bà **Trần Mỹ T1** và ông **Lương Gia H** thỏa thuận như sau:

- Ông **Lương Thanh P** tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.429.600 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm đồng).

- **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 20.289.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0006416 nộp ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long.

- Bà **Trần Mỹ T1**, ông **Lương Gia H** và ông **Lương Thanh T2** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 15/4/2024) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAT;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- THA TPVL;
- Lưu hồ sơ vụ án.